TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 –QUẢNG NGÃI** Bản án số: 26/2026/HS-ST Ngày 26/5/2026	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trưởng và ông Huỳnh Cao Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Quảng Ngãi, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

ĐOÀN VĂN MINH R, Tên gọi khác: Không, sinh ngày 05/8/2001, tại xã M, tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn T, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay *(Có mặt)*.

- Bị hại: Bà Trương Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi. "Vắng mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Quốc H, sinh năm 1990. "Vắng mặt".

2. Chị Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1994. "Vắng mặt".

3. Bà Dương Thị Minh T2, sinh năm 1965. "Vắng mặt".

4. Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1974. "Có mặt".

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/01/2026, Đoàn Văn Minh R điều khiển xe đạp đi từ nhà của Đoàn Văn Minh R đến thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi để lên nhà ngoại Rin thắp nhang. Khi đi đến đoạn đường có mương nước chảy thì R dừng lại để xe trên đường gần cầu bê tông bắt ngang đường mương và đến chỗ người câu cá để xem họ câu cá gì. Trong quá trình đứng xem câu cá thì R nhớ đến việc nhà của bà Trương Thị L ở gần đó (*bà L có quen biết với cha mẹ của Đoàn Văn Minh R và nhà của bà L gần nhà ngoại của R)* nên R đi bộ đến nhà của bà L hỏi mượn tiền của bà L để trả nợ. Khi đến nhà của bà L thì R đứng trước sân nhà và gọi tên bà L ba lần liên tiếp thì không có ai trả lời nên R tiếp tục đi thẳng vào đến cửa nhà thì thấy cửa bên hông nhà chỉ có khúc gỗ chặn trước cửa nên R mở cửa và tiếp tục gọi tên bà L thêm ba lần nữa nhưng vẫn không có ai trả lời. Lúc này, R phát hiện việc bà L không có ở nhà nên R nảy sinh ý định trộm tài sản của bà L. Sau đó, R đi thẳng vào trong nhà và đi đến phòng ngủ của bà L thì thấy 01 (một) tủ đồ để ngay góc phòng ngủ nên R đi thẳng đến tủ đồ và thấy cánh cửa tủ bên phải đang khóa nên R dùng tay phải cầm vào tay nắm cánh cửa tủ bên phải và dùng sức giật mạnh cửa ra thì cánh cửa mở ra. Sau đó, R lục lọi, tìm kiếm đồ đạc trong tủ đồ thì phát hiện thấy có số tiền 10.200.000đ (*Mười triệu hai, trăm nghìn đồng*) của bà L đang để ở dưới mặt tủ đồ được mền và quần áo chồng lên trên nên R cầm lấy số tiền này bọc vào trong người. Sau khi lấy được tiền thì R đóng cửa tủ đồ lại đi ra ngoài nhà và đóng cửa bên hông nhà lại rồi dùng khúc gỗ chặn lại như bạn đầu. Khi R đi ra trước nhà của bà L thì lúc này bà L đang đi về gần đến nhà nên R đi bộ về phía để xe đạp đang dựng và điều khiển xe đi lên dọc theo bờ sông T, đi qua cầu xe lửa thì R đi xuống lại hướng về thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi để đi về nhà của R.

Sau khi đi về đến nhà thì Đoàn Văn Minh R có đếm lại số tiền trộm được là 10.200.000đ (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*) nên R dùng số tiền này mang đi để trả nợ. Rin điều khiển xe đạp đi đến quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1994, nơi thường trú tại thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi để trả nợ số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) mà Rin mượn của bà H1 trước đó. Sau đó, R điều khiển

xe đạp tiếp tục đi đến tiệm T3 của bà Dương Thị Minh T2, sinh năm 1965, nơi thường trú tại thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi để trả nợ số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) mà R mượn trước đó. Sau đó, R tiếp tục đi đến nhà ông Bùi Quốc H, sinh năm 1990, nơi thường trú tại thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi để trả nợ số tiền là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) mà R mượn trước đó; số tiền còn lại là 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) thì R mang theo trong người.

Vật chứng đã thu giữ và được xử lý như sau: Thu giữ của Đoàn Văn Minh R số tiền Việt Nam 450.000đ (*bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) gồm 02 (hai) tờ tiền polyme mệnh giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)*; 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng)*, 01 (một) mũ màu xám đen; 01 (một) khẩu trang màu đen; 01 (một) áo khoác màu xanh, loại có mũ trùm đầu, mặt trong áo khoác dạng lông có màu vàng nhạt, trên áo khoác có ghi chữ Beleader; 01 (một) quần ngắn lửng màu xám; 01 (một) áo thun màu màu trắng, trên áo thun có ghi chữ MADE IN THAILAND; 01 (một) xe đạp màu đen vàng, trên xe đạp có ghi chữ JUN KU bike, xe đã qua sử dụng. Thu giữ của anh Bùi Quốc H 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*); 02 (hai) tờ tiền polyme mệnh giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*); 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*), tổng cộng số tiền Việt Nam 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Thu giữ của chị Nguyễn Thị Minh H1 06 (*sáu*) tờ tiền polyme mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), tổng cộng số tiền Việt Nam 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và thu giữ của bà Dương Thị Minh T2 12 (*mười hai*) tờ tiền polyme mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), tổng cộng số tiền Việt Nam 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

Số tiền thu được của bị cáo và của anh H, chị H1, bà T2 đã trả lại cho bà Trương Thị L số tiền 10.200.000 đồng (*Mười triệu hai trăm nghìn đồng*); trả lại cho ông Đoàn Văn T 01 (Một) xe đạp màu đen vàng, trên xe có ghi chữ JUNKU bike là tài sản của ông T mà bị cáo đã dùng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội; Các vật chứng còn lại chờ xử lý.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-KV4 ngày 14/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Đoàn Văn Minh R về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng cũng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 65 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Văn Minh R từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách nhân đôi. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) mũ màu xám đen; 01 (một) khẩu trang màu đen; 01 (một) áo khoác màu xanh, loại có mũ trùm đầu, mặt trong áo khoác dạng lông có màu vàng nhạt, trên áo khoác có ghi dòng chữ Beleader, 01 (một) quần ngắn lửng màu xám; 01 (một) áo thun màu trắng, trên áo thun có ghi chữ MADE IN THAILAND là tài sản của bị cáo không còn giá trị sử dụng. Về án phí Hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận vấn đề gì với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt và người có mặt tại phiên tòa thì bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai yêu cầu giải quyết về dân sự; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Văn Minh R đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình là: Vào ngày 12/01/2026, để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân Đoàn Văn Minh R đã lợi dụng sơ hở của bà Trương Thị L ở địa chỉ Thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi để trộm cắp số tiền 10.200.000 đồng (Mười triệu, hai trăm ngàn đồng).

Khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo đã lợi dụng chủ sở hữu không có ở nhà nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp số tiền trên 2.000.000 đồng, mục đích của bị cáo lấy trộm tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự an toàn tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo Đoàn Văn

Minh R đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 -Quảng Ngãi truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này để giảm nhẹ một phần mức án cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người công dân sống có ích cho xã hội.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này thì bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo được hưởng trên 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Có nơi cư trú rõ ràng để giám sát, giáo dục. Xét thấy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội như đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống lương thiện và biết tôn trọng pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong vụ án này thì anh Bùi Quốc H, chị Nguyễn Thị Minh H1 và bà Dương Thị Minh T2 là những người được bị cáo sử dụng số tiền trộm cắp được để trả nợ; dùng xe đạp của ông Đoàn Văn T để thực hiện hành vi trộm cắp. Tuy nhiên họ không biết việc số tiền đó Đoàn Văn Minh R đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà có; ông T không biết bị cáo dùng xe để sử dụng sau khi lấy được tài sản mang đi tẩu tán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q không xử lý họ về hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Trương Thị L, ông Đoàn Văn T, anh Bùi Quốc H, chị Nguyễn Thị Minh H1 và bà Dương Thị Minh T2 không yêu cầu giải quyết vấn đề gì về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, việc đề nghị xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Đoàn Văn Minh R** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Minh R **12** (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (*Hai bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án (26/5/2026).

Giao bị cáo cho UBND xã M, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- **Về xử lý vật chứng**: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ màu xám đen; 01 (một) khẩu trang màu đen; 01 (một) áo khoác màu xanh, loại có mũ trùm đầu, mặt trong áo khoác dạng lông có màu vàng nhạt, trên áo khoác có ghi dòng chữ Beleader, 01 (một) quần ngắn lửng màu xám; 01 (một) áo thun màu trắng, trên áo thun có ghi chữ MADE IN THAILAND. Biên bản bàn giao vật chứng ngày 04/5/2026.

- **Về án phí**: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đoàn Văn Minh R phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo**: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2026). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND khu vực 4;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ngãi;
-Cơ quan THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
-Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hồng Dung